

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2022/DS-PT
Ngày: 22/9/2022
“V/v tranh chấp hợp đồng thi
công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DSST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 192/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng A.

Trụ sở: Số 355, đường Nguyễn Văn Linh, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Thành D; cư trú tại: E108 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/9/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Ông Vũ Văn T là Luật sư của Công ty Luật T & Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Công ty TNHH Bất động sản K.

Trụ sở: Số 88, đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ; cư trú tại: Số 58C, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/7/2020).

2. Ông Phan Quốc P; cư trú tại: Số 182, đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2022).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP H Việt Nam.

Địa chỉ chi nhánh Vũng Tàu: Số 57, đường N, phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo:* 1. Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng A là nguyên đơn.

2. Công ty TNHH Bất động sản K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Phần trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn:*

Ngày 15/11/2019, giữa Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng A (gọi tắt Công ty A) với Công ty TNHH Bất động sản K (gọi tắt Công ty K) có ký Hợp đồng thi công số 08/2019/HD/AK-AGV (gọi tắt là Hợp đồng số 08) gồm 26 Điều và các phụ lục 01 (đơn giá chi tiết), 02 (đơn giá chi tiết giai đoạn 1), toàn bộ hợp đồng được ký kết và thực hiện dựa trên cơ sở hợp đồng trọn gói với nội dung chủ yếu sau:

- Công ty A chịu trách nhiệm thi công các hạng mục hạ tầng Dự án Khu đô thị mới Cồn Khương, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Giá trị hợp đồng là 66.151.962.129 đồng.

- Giá trị tạm ứng thi công là 15% giá trị thi công đợt 1 trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ tạm ứng.

- Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 3% giá trị hợp đồng, giá trị 12 tháng kể từ ngày ký.

- Giá trị bảo lãnh hoàn tạm ứng tối đa 5.955.117.555 đồng, giá trị 12 tháng kể từ ngày ký.

Việc thực hiện hợp đồng của Công ty A: Ngày 18/11/2019, Ngân hàng H chi nhánh Vũng Tàu theo đề nghị của Công ty A phát hành các chứng thư:

+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 08036010097714 với giá trị bảo lãnh tối đa là 1.984.558.864 đồng, tương đương 3% giá trị Hợp đồng số 08; thời hạn 12 tháng kể từ ngày phát hành; đảm bảo cho nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng số 08 của Công ty A.

+ Bảo lãnh hoàn tạm ứng số 08036010097723 với giá trị bảo lãnh là 5.955.177.555 đồng; tương đương 15% giá trị hợp đồng giai đoạn 1; thời hạn 12 tháng kể từ ngày phát hành; đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả tiền tạm ứng của Công ty A theo Hợp đồng số 08.

+ Công ty A thực hiện thi công giai đoạn 1, cung cấp đầy đủ giấy tờ pháp lý, đủ điều kiện để thực hiện thi công dự án “Khu đô thị mới Cồn Khương”.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù Công ty A đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng như phát hành các chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng, tập kết máy móc, nguyên vật liệu và nhân lực đến địa điểm và đã tiến hành thực hiện các hạng mục như giao kết trong hợp đồng, tuy nhiên phía Công ty K lại không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Cụ thể, Công ty K không thanh toán đầy đủ khoản tạm ứng 15% như cam kết trong hợp đồng mà chỉ mới tạm ứng 3.000.000.000 đồng. Điều đó làm cho Công ty A gặp nhiều khó khăn trong việc mua thiết bị, vật liệu để thi công. Công ty A đã có các công văn số AGV.2019.08 – CV.01 ngày 26/02/2020, Công văn số AGV.2019.02 – CV.02 ngày 12/3/2020, Công văn số AGV.2019.08 – CV.04 ngày 23/3/2020, Công văn số AGV.2019.08 – CV.05 ngày 23/3/2020 gửi Công ty K yêu cầu thanh toán hết số tiền tạm ứng còn lại như đã thỏa thuận trong Hợp đồng (số tiền: 2.955.117.555 đồng). Trước yêu cầu theo đúng hợp đồng của Công ty A, phía Công ty K không những không có thiện chí hợp tác hoàn thành nghĩa vụ của mình mà còn căn cứ vào một số lý do không chính đáng và gửi Công văn số 48/AK-KT ngày 06/4/2020 thông báo về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 08 với Công ty A.

Đồng thời, với việc thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng, Công ty K gửi Công văn số 49/AK-TCKT ngày 07/4/2020 và Công văn số 67/AK-TCKT ngày 14/5/2020 đến Ngân hàng H thực hiện thanh toán bảo lãnh theo chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng với tổng giá trị là 4.984.558.864 đồng.

Qua những vấn đề xảy ra, nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm nghiêm trọng từ hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 08. Vì Công ty K chấm dứt hợp đồng mà không căn cứ vào các thỏa thuận của Hợp đồng số 08 và các quy định của pháp luật. Khi chủ động đơn phương chấm dứt hợp đồng, Công ty K sẽ dựa vào các bảo lãnh vô điều kiện (bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng) mà Ngân hàng phát hành để lấy đủ 3.000.000.000 đồng tiền tạm ứng đồng thời lại lấy thêm 1.900.000.000 đồng tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng, trong khi khối lượng công việc mà nguyên đơn thực hiện cũng đã tương đối nhiều nhưng không được Công ty K đối trừ thanh toán.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ căn cứ Điều 292 Luật Thương mại và Điều 41 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng

xây dựng giải quyết yêu cầu: Buộc Công ty TNHH Bất động sản K tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng số 08.

Tại đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 29/7/2020, Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng A yêu cầu Công ty TNHH Bất động sản K bồi thường thiệt hại với số tiền là 8.984.558.864 đồng.

**Phần trình bày nội dung và yêu cầu phản tố của phía bị đơn:*

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về hợp đồng thi công đã ký cũng như nội dung của hợp đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty A, phía bị đơn không đồng ý. Bởi lẽ:

- Thứ nhất, Công ty A đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng số 08 ký ngày 15/11/2019:

+ Căn cứ Điều 11. Quyền và nghĩa vụ Bên B tại Hợp đồng, Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ của mình, cụ thể nguyên đơn đã vi phạm nội dung: “Bên B đảm bảo việc thi công hoàn thành đúng tiến độ...”

+ Căn cứ Điều 13. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng, Công ty K có quyền chấm dứt Hợp đồng vì nguyên đơn đã vi phạm Hợp đồng do:

“Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện Hợp đồng”; “Không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc”.

- Thứ hai, Công ty A đã chấp nhận các nội dung như sau:

+ Hội đồng thành viên (04 người) đã đồng ý lỗi phát sinh do Công ty A gây ra, chấp nhận việc ngừng hợp đồng (thanh lý hợp đồng) tại Công văn thỉnh cầu số AGV.2019.08.CV-11 ngày 18/4/2020;

+ Chấp thuận nội dung tại Biên bản làm việc số 53/AK-KT ngày 17/4/2020, trong đó: Công ty K sẽ làm việc với Ngân hàng H Vững Tàu để thực hiện các nghĩa vụ hoàn ứng, thanh toán bảo lãnh theo các chứng thư được ký; Các Bên sẽ ký quyết toán và thanh lý Hợp đồng số 08/2019/HD/AK-AGV, hoàn thành trước ngày 23/4/2020. Tuy nhiên đến nay, Công ty A chỉ ký giá trị thanh toán hoàn thành 1.340.017.515 đồng (Công ty K đã thanh toán 100%) giá trị này thông qua việc đối trừ tiền tạm ứng, chưa ký thanh lý, chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ chất lượng. Căn cứ các điều khoản Hợp đồng, các bên sẽ thực hiện theo quy định (trong đó việc phạt Hợp đồng do vi phạm đến nay các bên chưa thực hiện).

+ Chấp nhận đề Công ty K đề nghị Ngân hàng H Vững Tàu thanh toán số tiền hoàn tạm ứng, bảo lãnh; Đồng ý ký các hồ sơ chất lượng, thanh lý Hợp đồng tại Biên bản làm việc số 82/AK-KT ngày 26/5/2020.

Tại đơn phản tố ngày 16/9/2020, bị đơn Công ty K yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết những yêu cầu sau:

- Yêu cầu Công ty A ký thanh lý Hợp đồng số 08/2019/HD/AK-AGV và xuất hóa đơn tài chính tổng giá trị theo như bảng tổng hợp giá trị thanh toán theo hợp đồng để bị đơn có cơ sở thanh quyết toán dự án về sau;

- Yêu cầu Công ty A bổ sung hoàn thiện các chứng từ, hồ sơ còn thiếu theo như Công văn số 87/AK-KT ngày 31/5/2020 về việc hoàn thành các thủ tục và thanh lý hợp đồng số 08/2019/HĐ-AK-AGV;

- Yêu cầu Công ty A thanh toán số tiền do vi phạm hợp đồng theo Điều 21. Vi phạm Hợp đồng: “Phạt tối đa 12% giá trị vi phạm nếu vi phạm bất kỳ nội dung gì theo Hợp đồng”, cụ thể:

- + Giá trị hợp đồng: 66.151.962.129 đồng;
- + Giá trị hoàn thành: 1.340.017.515 đồng;
- + Giá trị chưa hoàn thành: 64.811.944.614 đồng;
- + Số tiền phạt 12%: 7.777.433.354 đồng.

- Yêu cầu Công ty A thanh toán tiền lãi của phần tạm ứng nhưng không thực hiện, giá trị tạm ứng (3.000.000.000 đồng – 1.340.017.515 đồng) = 1.659.982.485 đồng, thời gian 122 ngày (tính từ ngày chuyển tiền ngày 07/02/2020 đến ngày được Ngân hàng hoàn chuyển lại 08/6/2020), lãi tạm tính 6%/năm. Số tiền yêu cầu phải trả: 33.752.977 đồng.

-Tại bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân quận N đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng A.

Buộc Công ty TNHH Bất động sản K có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng A tổng số tiền là: 2.158.237.756 đồng (Hai tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu buộc Công ty TNHH Bất động sản K có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền 6.647.911.312 đồng (Sáu tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm mười một nghìn, ba trăm mười hai đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Bất động sản K.

Buộc Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng A có nghĩa vụ xuất hóa đơn giá trị gia tăng trên giá trị hoàn thành trong hợp đồng 1.340.017.515 đồng và hoàn thiện các hồ sơ quyết toán công trình theo Hợp đồng thi công số: 08/2019/HD/AK-AGV ngày 15 tháng 11 năm 2019.

Không chấp nhận yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 12% với số tiền 7.777.433.354 đồng (Bảy tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng) và bồi thường tiền lãi của phần tạm ứng với số tiền 33.752.977 đồng (Ba mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, chính trăm bảy mươi bảy đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu 114.947.000 đồng, chuyển 61.412.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002625 ngày 02/6/2020 và 002961 ngày 21/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ sang thành án phí phải nộp. Nguyên đơn tiếp tục nộp số tiền 53.535.000 đồng (Năm mươi ba triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Bị đơn phải chịu 190.975.000 đồng, chuyển 57.905.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003190 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ sang thành án phí phải nộp. Bị đơn tiếp tục nộp số tiền 133.070.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 04/5/2022, nguyên đơn không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 05/5/2022, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm vì cho rằng chưa xem xét toàn diện vụ án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu về việc buộc bồi thường thiệt hại tương đương 10% giá trị hợp đồng (tương ứng 6.647.911.312 đồng), chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 2.158.237.756 đồng như án sơ thẩm đã tuyên. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn cho rằng, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đã rút yêu cầu bồi thường đối với khoản lợi ích được hưởng, chỉ yêu cầu bồi thường 2.158.237.756 đồng. Khoản tiền này bao gồm giá trị khối lượng công việc đã thi công, tiền bị đơn đã nhận vượt số tiền đã chuyển và tiền lãi. Số liệu đã tính toán như Tòa án cấp sơ thẩm là đúng và có căn cứ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật về nội dung nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra, đại

diện Viện kiểm sát còn nhắc nhở người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn về việc không mặc đúng trang phục của Luật sư khi tham gia phiên tòa. Vấn đề này, Hội đồng xét xử cũng đã nhắc nhở người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp về hợp đồng thi công. Tòa án nhân dân quận N đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Để giải quyết đúng các yêu cầu của các bên thì trước hết cần đánh giá việc chấm dứt hợp đồng thi công có đúng pháp luật hay không. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định các vấn đề như thông báo chấm dứt hợp đồng không đúng căn cứ đã thỏa thuận trong hợp đồng, không có căn cứ xác định chậm tiến độ, bị đơn ban hành văn bản chấm dứt hợp đồng trong thời gian gia hạn. Các nhận định là có cơ sở pháp luật như án sơ thẩm chỉ ra. Như vậy, tại thời điểm ngày 06/4/2020, bị đơn thông báo chấm dứt hợp đồng là trái pháp luật.

[3] Tuy nhiên, sau đó, vào ngày 17/4/2020, nguyên đơn và bị đơn đã có Biên bản làm việc số 53/AK-KT (Bút lục số 33, 34). Tại mục 3 của văn bản này (phần kết luận) thể hiện, nguyên đơn nhanh chóng thực hiện các công việc dở dang tại công trường, các bên sẽ ký quyết toán và thanh lý hợp đồng đã ký, các bên làm việc với MSB để hoàn ứng/thanh toán. Trong đó, còn có nội dung bên công ty K xem xét đề công ty A thực hiện công việc tại dự án, việc thực hiện nếu có sẽ ký kết Hợp đồng khác. Như vậy, những nội dung này cho thấy, đến ngày 17/4/2020, bên nguyên đơn cũng đã thống nhất thanh lý hợp đồng. Đây là sự tự nguyện và là quyền tự định đoạt nên không còn xác định yếu tố lỗi của bị đơn về việc chấm dứt hợp đồng.

[4] Nguyên đơn rút kháng cáo phần bị Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu. Việc rút một phần kháng cáo là tự nguyện nên chấp nhận. Phần quyết định của bản án sơ thẩm tương ứng có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện khối lượng công việc có giá trị 1.340.017.515 đồng. Bị đơn nhận tiền từ bảo lãnh 3.604.340.824 đồng từ ngân hàng là vượt 604.340.824 đồng so với số tiền bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn (3.000.000.000 đồng). Do đó, bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền $1.340.017.515 + 604.340.824 = 1.944.358.339$ (đồng) là đúng pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi đối với số tiền 1.944.358.339 đồng nêu trên, thấy rằng như nhận định tại mục [3], các bên đã đồng thuận việc thanh lý hợp đồng. Trong nội dung của Biên bản làm việc số 53/AK-KT (Bút lục số 33, 34) có thể hiện việc các bên làm việc với MSB để hoàn ứng/thanh toán. Như vậy, việc hoàn tiền bảo lãnh đã được các bên dự liệu trước. Bị đơn đã cung cấp đủ chứng từ để được hoàn ứng tại Ngân hàng nên bị đơn không có lỗi. Do đó, bị đơn không phải chịu khoản tiền lãi như yêu cầu của nguyên đơn. Việc tính lãi sẽ được tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật để

ràng buộc việc trả lại tiền của bị đơn trên cơ sở quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm. Tương tự, việc yêu cầu tính lãi của bị đơn trong nội dung phản tố cũng không được chấp nhận vì các nhận định trên.

[6] Từ các nhận định tại mục [2] và mục [3] nêu trên cho thấy, ban đầu việc đơn phương thông báo chấm dứt hợp đồng của bị đơn là trái pháp luật, không có căn cứ xác định nguyên đơn chậm tiến độ thi công hoặc có biểu hiện không tiếp tục thực hiện hợp đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc phạt vi phạm (12%) là đúng pháp luật. Kháng cáo về nội dung này của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí, sau khi đánh giá lại vụ án thì nghĩa vụ của bị đơn được giảm một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn chịu án phí dân sự phúc thẩm. Từ đó, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của được điều chỉnh lại theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.944.358.339 đồng (Một tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm năm mươi tám ngàn ba trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả thêm tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn bồi thường thiệt hại và tiền lãi phát sinh với số tiền 6.861.790.729 đồng (Sáu tỷ tám trăm sáu mươi một triệu bảy trăm chín mươi ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn:

- Buộc nguyên đơn có nghĩa vụ xuất hóa đơn giá trị gia tăng trên giá trị hoàn thành trong hợp đồng 1.340.017.515 đồng và hoàn thiện các hồ sơ quyết toán công trình theo Hợp đồng thi công số: 08/2019/HD/AK-AGV ngày 15 tháng 11 năm 2019.

- Không chấp nhận yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 12% với số tiền 7.777.433.354 đồng (Bảy tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng) và bồi thường tiền lãi của phần tạm ứng với số tiền 33.752.977 đồng (Ba mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi bảy đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu 115.161.000 đồng, chuyển 61.412.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002625 ngày 02/6/2020 và 002961 ngày 21/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ sang thành án phí, nguyên đơn phải nộp thêm 53.749.000 đồng (Năm mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi chín triệu đồng).

- Bị đơn phải chịu 186.141.000 đồng, chuyển 57.905.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003190 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ sang thành án phí, bị đơn phải nộp thêm 128.236.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí (300.000 đồng) theo Biên lai thu số 0000538 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N thành án phí, coi như nguyên đơn đã nộp xong.

- Bị đơn được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000514 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và thời hiệu Thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. TP. Cần Thơ;
- TAND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chế Linh